TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST Ngày: 09/02/2026 V/v "Tranh chấp ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hùng Dũng

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Lào – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 095063005366; cấp ngày 20/8/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

Số định danh cá nhân: 095164004090

(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị N xây dựng hôn nhân năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau. Vợ chồng ông đã sống ly thân 03 năm nay. Giữa vợ chồng ông không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Vợ chồng ông chung sống có 02 con chung là Bùi Văn N1, sinh ngày 15/5/1987 và Bùi Thị K, sing ngày 01/01/1989. Các con đã trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông Bùi Văn Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Huỳnh Thị N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 228, 238 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn Đ với bà Huỳnh Thị N.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành khỏe mạnh, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị N có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Ông Bùi Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn Đ và bà Huỳnh Thị N chung sống như vợ chồng năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông Bùi Văn Đ

yêu cầu ly hôn với bà N nên Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

Ông Bùi Văn Đ xác định giữa vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân 03 năm nay và yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị N. Trong thời gian sống ly thân giữa ông Đ, bà N không có biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Thị N để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do. Cho thấy bà N không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân giữa ông Bùi Văn Đ và bà Huỳnh Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Văn Đ đối với bà Huỳnh Thị N.

[3] Về con chung: Ông Bùi Văn Đ và bà Huỳnh Thị N xác định vợ chồng chung sống có 02 con chung là Bùi Văn N1, sinh ngày 15/5/1987 và Bùi Thị K, sing ngày 01/01/1989. Các con của ông bà đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Văn Đ xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Bùi Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Văn Đ đối với bà Huỳnh Thị N.

2. Về con chung: Ông Bùi Văn Đ xác định vợ chồng chung sống có 02 con chung là Bùi Văn N1, sinh ngày 15/5/1987 và Bùi Thị K, sing ngày 01/01/1989. Các con của ông bà đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Văn Đ xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghết